LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 140

LUẬN VỀ CHẤP THỌ (Phần 4)

Dùng đạo vô gián chứng quả Dự lưu, lúc tu đạo ấy thì bốn Niệm trú, mấy là tu hiện tại, mấy là tu vị lai? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về nghĩa của mình. Nghĩa là hoặc có người nói: Không có tu vị lai, bởi vì không có điều gì chưa làm mà đã được. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày là có tu vị lai, điều ấy tuy chưa khởi lên mà đã khởi lên chủng loại ấy.

Hoặc lại có người nói: Hai tâm cùng hiện hành, bởi vì thấy-nghe... có cùng lúc. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày không có hai tâm cùng hiện hành, bởi vì sát-na chuyển đổi nhanh chóng cho nên không phải là cùng lúc mà tựa như cùng lúc.

Hoặc lại có người nói: Bốn Chánh đoạn... không phải là có cùng một lúc, bởi vì tác dụng của nhân khác nhau. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày pháp này cùng lúc có được bốn loại, bởi vì Thể không có gì khác nhau.

Hoặc lại có người nói: Tín... chỉ là vô lậu, bởi vì kinh nói dị sinh không có các căn như Tín... Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày về Tín... gồm chung hữu lậu, trong kinh chỉ nói về căn vô lậu.

Hoặc lại có người nói: Thể của Căn và Lực khác nhau, bởi vì phần vị mạnh yếu ấy khác nhau. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày phần vị tuy khác mà tác dụng của Căn và Lực có cùng một Thể.

Hoặc lại có người nói: Giác chi gồm chung hữu lậu, bởi vì nói quán Bất tịnh cùng tu với Niệm giác chi. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày về Giác chi chỉ là vô lậu, bởi vì trong kinh nói có đi cùng chứ không phải là cùng lúc đi cùng.

Hoặc lại có người nói: Địa Cận phần có Hỷ, bởi vì trong kinh nói dựa vào Hỷ đoạn mà rời bỏ Ưu. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày về Cận phần không có Hỷ, bởi vì trong kinh nói đã đoạn-sẽ đoạn gọi là đoạn.

Hoặc lại có người nói: Chánh ngữ-nghiệp-mạng không có cùng lúc, bởi vì trong một sát-na không có hai nghiệp thân-ngữ. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày ba Giới cùng do ba căn mà khởi lên, cho nên cùng lúc có thể được.

Hoặc lại có người nói: Dự lưu-Nhất lai cũng đạt được Tĩnh lự. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày cả hai đều không đạt được, bởi vì chưa lìa dục.

Hoặc lại có người nói: Nhẫn tức là Trí. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày Nhẫn không phải là Trí, bởi vì chưa quyết định chính xác đối với cảnh của Đế.

Hoặc lại có người nói: Dị sinh không đoạn phiền não, bởi vì chưa thấy được Đế. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày về dị sinh cũng đoạn phiền não, bởi vì thấy phần thô...

Hoặc lại có người nói: Thánh giả không dùng đạo thế tục để đoạn phiền não. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày về Thánh giả tự tại, bởi vì tùy ý sử dụng bất cứ đạo nào.

Hoặc lại có người nói: Địa trên cũng có chi Chánh tư duy. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày địa trên không có chi ấy, bởi vì không có Tầm.

Hoặc lại có người nói: Vô sắc cũng có chi Giới vô lậu. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày cõi ấy không có Giới, bởi vì không có sắc.

Hoặc lại có người nói: Ba Tam-ma-địa, nghĩa khác nhau mà Thể như nhau. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày về Thể cũng khác nhau, bởi vì hành tướng khác nhau.

Vì ngăn chặn các loại tông chỉ quái lạ như vậy, để hiển bày đúng đắn về những điều đã nói, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Dùng đạo vô gián chứng quả Dự lưu, lúc tu đạo ấy thì bốn Niệm trú, mấy là tu hiện tại, mấy là tu vị lai? Bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Đạo chi, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Vô sắc, tám Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, tám Trí, ba Đẳng trì,mấy là tu hiện tại, mấy là tu vị lai?

Đáp: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại và vị lai đều có sáu. Đạo chi, hiện tại và vị lai

đều có tám. Không có Tĩnh lự, không có Vô lượng, không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ, không có Trí. Đẳng trì, hiện tại và vị lai đều có một.

Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Đây là ngăn chặn ý chấp về hai tâm cùng hiện hành, và không có tu vị lai. Nếu có hai tâm cùng lúc hiện hành, thì bốn Niệm trú phải tu ở hiện tại. Nhưng bốn Niệm trú chắc chắn không cùng hiện hành, bởi vì một tâm tương ưng không có bốn Tuệ. Không thể nào kiến lập bốn pháp này cùng chung một Thể, bởi vì hành tướng và sở duyên đều có khác biệt. Không phải là trong một sự nối tiếp nhau mà có nhiều tâm cùng sinh khởi, đừng vì điều ấy mà thành ra nhiều hữu tình. Nếu đời vị lai không có nghĩa của tu, thì pháp thiện đã tu không có nghĩa tăng rộng, khởi lên nhiều gia hạnh sẽ trở thành trống rỗng, giả sử dụng công nhiều mà đạt được rất ít, và lúc mới thành Phật sẽ chưa đầy đủ tất cả công đức. Đừng có những sai lầm như vậy. Có tu vị lai, bởi vì đời vị lai rộng rãi cho nên tu đầy đủ bốn, thế dụng của tu hiện tại có năng lực dẫn dắt pháp thuộc chủng loại tương lai, có thể khiến cho hiện rõ trước mắt. Hiện tại có một, đó là duyên xen tạp với Pháp niệm trú, bởi vì thấy được Đạo đế.

Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Đây là ngăn chặn ý chấp về Chánh đoạn-Thần túc không phải là có cùng một lúc. Thể của Chánh Cần có bốn, phát động tạo tác như ngọn đèn, trong một lúc có bốn tác dụng, một Tam-ma-địa nhờ vào bốn nhân mà sinh ra, cho nên từ nhân mà thiết lập bốn tên gọi. Tu vị lai, cũng là một phần nghĩa thuộc về Thể, cho nên hiện tại và vị lai đều nói là tu có bốn.

Căn-Lực, hiện tại và vị lai có năm. Đây là ngăn chặn ý chấp về Thể của Căn-Lực khác nhau, và nói năm loại sinh khởi theo thứ tự. Tuy phần vị của Căn-Lực khác nhau mà tự Thể không có gì khác biệt, tức là một Tín... có hai tác dụng của sinh-phá, cho nên thiết lập tên gọi Căn-Lực không trái ngược lẫn nhau. Bởi vì giúp đỡ nhau cùng phát khởi, cho nên năm loại này không phải là sinh khởi theo thứ tự.

Giác chi, hiện tại và vị lai đều có sáu. Đây là ngăn chặn ý chấp về Cận phần có Hỷ. Bởi vì nơi này chưa đạt được địa Căn bản phía trên, chưa lìa sợ hãi của địa dưới, cho nên không sinh ra Hỷ. Trong kinh nói dựa vào Hỷ đoạn để rời bỏ Ưu, là dựa vào đạo gia hạnh mà nói, không phải là đạo vô gián cho nên không trái ngược nhau. Ở đây dựa vào Vị chí không có Hỷ, cho nên có sáu.

Đạo chi, hiện tại và vị lai đều có tám. Đây là ngăn chặn ý chấp về Chánh ngữ-nghiệp-mạng không cùng lúc. Do không có tham-sân-si mà

phát khởi Vô biểu, cho nên đều có bảy loại cùng lúc dấy khởi.

Không có Tĩnh lự. Đây là ngăn chặn ý chấp về Dự lưu-Nhất lai cũng đạt được Tĩnh lự. Bởi vì người này chưa lìa dục mà tiến vào Kiến đạo, người đã lìa dục thì không phải là hai Hướng.

Không có Vô lượng. Đây là ngăn chặn ý chấp về Vô lượng cũng gồm chung vô lậu, và trong Kiến đạo có tu Vô lượng. Bởi vì pháp này duyên với hữu tình, không phải là vô lậu và Kiến đạo nhanh chóng. Vả lại, vì mới đạt được cho nên không có năng lực tu đầy đủ tất cả. Hơn nữa, bởi vì chưa đạt được địa Căn bản, cho nên không tu Vô lượng.

Không có Vô sắc. Đây là ngăn chặn ý chấp về Vô sắc có Kiến đạo. Bởi vì trong Vô sắc không có Trí duyên với khắp nơi, cho nên chắc chắn không có Kiến đạo. Vả lại, bởi vì nơi này chưa đạt được Định Vô sắc.

Không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Đây là ngăn chặn ý chấp về ba pháp trước như Giải thoát..., cũng gồm chung vô lậu. Bởi vì mười sáu hành tướng vốn không thâu nhiếp, cho nên không gọi là vô lậu. Vả lại, bởi vì lúc bấy giờ chưa đạt được địa Căn bản, cho nên những pháp ấy đều không tu.

Không có Trí. Đây là ngăn chặn ý chấp về Nhẫn tức là Trí. Bởi vì Nhẫn đối với cảnh của Đế chưa quyết định chính xác như thật, cho nên không gọi là Trí. Vả lại, bởi vì ở phần vị này tu trong phạm vi của mình, không tu các trí của vị lai, cho nên nói là không có.

Đẳng trì, hiện tại và vị lai đều có một. Đây là ngăn chặn ý chấp về ba Tam-ma-địa có nghĩa khác nhau mà Thể như nhau. Bởi vì hành tướng của ba Đẳng trì khác nhau, cho nên Thể cũng có khác nhau. Một, đó là Đẳng trì Vô nguyện, bởi vì lúc Đạo loại nhẫn hiện khởi chỉ tu pháp này, cho nên tuy tám Nhẫn đều là đạo vô gián, nhưng dựa vào phần vị chứng quả mà nói thì chỉ là Đạo loại nhẫn chứ không phải là pháp nào khác.

Hỏi: Dùng đạo vô gián chứng quả Nhất lai, lúc tu đạo ấy thì bốn Niệm trú, cho đến ba Đẳng trì, mấy là tu hiện tại, mấy là tu vị lai? Đáp: Nếu thêm lìa nhiễm cõi Dục, tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại và vị lai đều có sáu. Đạo chi, hiện tại và vị lai đều có tám. Không có Tĩnh lự, không có Vô lượng, không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ, không có Trí. Đẳng trì, hiện tại và vị lai đều có một.

Nếu thêm lìa nhiễm cõi Dục, tiến vào Chánh tánh ly sinh. Đây là ngăn chặn ý chấp về dị sinh không đoạn phiền não. Nhưng chủng loại dị sinh có thể dùng sáu loại hành tướng như thô..., lìa nhiễm của cõi Dục cho đến lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ. Nếu trước đã lìa nhiễm cõi Dục thuộc sáu phẩm, thì gọi là thêm lìa nhiễm cõi Dục, bởi vì thêm ba phẩm sau. Những câu còn lại đều giải thích như trước.

Nếu từ quả Dự lưu dùng đạo thế tục chứng quả Nhất lai, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại không có, vị lai có sáu. Đạo chi, hiện tại không có, vị lai có tám. Không có Tĩnh lự, không có Vô lượng, không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Trí, hiện tại có một, vị lai có bảy. Đẳng trì, hiện tại không có, vị lai có ba.

Dùng đạo thế tục chứng quả Nhất lai. Đây là ngăn chặn ý chấp về Thánh giả không dùng đạo thế tục để đoạn phiền não. Bởi vì Thánh giả đều thành tựu đối với hai đạo, cho nên tùy theo ý muốn hiện rõ trước mắt, thì dùng đạo ấy để đoạn.

Niệm trú, hiện tại có một, đó là duyên xen tạp với Pháp niệm trú, bởi vì đạo vô gián lìa nhiễm hữu lậu, cho nên chắc chắn là duyên chung.

Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Đây là ngăn chặn ý chấp về Tín... chỉ là vô lậu. Nói là bởi vì quán xét về Tín... là Tập..., bởi vì Đức Phật quán xét ba căn rồi mới thuyết pháp, bởi vì hữu lậu cũng có tác dụng của Căn-Lực.

Giác chi, hiện tại không có. Đây là ngăn chặn ý chấp về Giác chi gồm chung hữu lậu. Bởi vì hữu lậu không có năng lực nhận hiểu đúng như thật, cho nên nói là quán Bất tịnh đi cùng với tu Niệm giác chi, đó là dựa vào nhân lần lượt chuyển đổi cùng có mà nói. Vị lai có sáu, bởi vì lúc Thánh giả khởi lên đạo hữu lậu, cũng tu gồm chung vô lậu.

Đạo chi, hiện tại không có, tuy là Đạo chi gồm chung hữu lậu, nhưng nói sau Giác chi cho nên cũng chỉ là vô lậu, bởi vì A-tỳ-đạt-ma có tướng như vậy.

Không có Vô lượng..., bởi vì trong Định Vị chí không có các pháp thiện của các địa Căn bản ấy.

Trí, hiện tại có một, đó là trí thế tục; vị lai có bảy, là trừ ra Tha tâm trí, bởi vì trái với đạo vô gián, và bởi vì chưa đạt được. Trong này chỉ dựa vào tám trí mà soạn luận, trừ ra Tận trí và Vô sinh trí, bởi vì phần vị hạn chế.

Đẳng trì, hiện tại không có, ba Đẳng trì tuy gồm chung hữu lậu, nhưng trong này nói đến vô lậu, bởi vì vô lậu là cửa ngõ giải thoát. Văn này nói đến đạo vô gián thứ sáu, bởi vì đạo ấy có năng lực chứng được quả Nhất lai. Phần còn lại như trước nói.

Nếu từ quả Dự lưu dùng đạo vô lậu chứng quả Nhất lai, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại và vị lai đều có sáu. Đạo chi, hiện tại và vị lai đều có tám. Không có Tĩnh lự, không có Vô lượng, không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Trí, hiện tại có hai, vị lai có bảy. Đẳng trì, hiện tại có một, vị lai có ba.

Niệm trú, hiện tại có một, đó là Pháp niệm trú, hoặc là xen tạp-không xen tạp, bởi vì bốn Pháp trí tùy theo khởi lên một.

Trí, hiện tại có hai, đó là Khổ trí và Pháp trí, hoặc là cho đến Đạo trí và Pháp trí.

Đẳng trì, hiện tại có một, đó là trong ba tùy theo một. Phần còn lại như trước nói.

Hỏi: Dùng đạo vô gián chứng quả Bất hoàn, lúc tu đạo ấy thì bốn Niệm trú, cho đến ba Đẳng trì, mấy là tu hiện tại, mấy là tu vị lai?

Đáp: Nếu đã lìa nhiễm cõi Dục, dựa vào Định Vị chí tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại và vị lai đều có sáu. Đạo chi, hiện tại và vị lai đều có tám. Không có Tĩnh lự, không có Vô lượng, không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ, không có Trí. Đẳng trì, hiện tại và vị lai đều có một.

Không có Tĩnh lự, bởi vì Kiến đạo dựa vào địa dưới không tu pháp của địa trên. Phần còn lại như trước nói.

Nếu dựa vào Tĩnh lự thứ nhất tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại và vị lai đều có bảy. Đạo chi, hiện tại và vị lai đều có tám. Tĩnh lự, hiện tại và vị lai đều có một. Không có Vô lượng, không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ, không có Trí. Đẳng trì, hiện tại và vị lai đều có một. Giải thích đoạn văn này dựa theo trước nên biết.

Nếu dựa vào Tĩnh lự trung gian tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần

túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại có sáu, vị lai có bảy. Đạo chi, hiện tại có bảy, vị lai có tám. Tĩnh lự, hiện tại không có, vị lai có một. Không có Vô lượng, không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ, không có Trí. Đẳng trì, hiện tại và vị lai đều có một.

Giác chi, hiện tại có sáu, bởi vì Tĩnh lự trung gian không có Hỷ căn. Bởi vì địa trên tu pháp của địa dưới, cho nên vị lai có bảy.

Đạo chi, hiện tại có bảy. Đây là ngăn chặn ý chấp về địa trên có Tầm, bởi vì tâm của địa trên này vi tế cho nên không có Tầm. Phần còn lại như trước nói.

Nếu dựa vào Tĩnh lự thứ hai tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại và vị lai đều có bảy. Đạo chi, hiện tại có bảy, vị lai có tám. Tĩnh lự, hiện tại có một, vị lai có hai. Không có Vô lượng, không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ, không có Trí. Đẳng trì, hiện tại và vị lai đều có một. Giải thích đoạn văn này dựa theo trước nên biết.

Nếu dựa vào Tĩnh lự thứ ba tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại có sáu, vị lai có bảy. Đạo chi, hiện tại có bảy, vị lai có tám. Tĩnh lự, hiện tại có một, vị lai có ba. Không có Vô lượng, không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ, không có Trí. Đẳng trì, hiện tại và vị lai đều có một. Giải thích đoạn văn này như trước.

Nếu dựa vào Tĩnh lự thứ tư tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại có sáu, vị lai có bảy. Đạo chi, hiện tại có bảy, vị lai có tám. Tĩnh lự, hiện tại có một, vị lai có bốn. Không có Vô lượng, không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ, không có Trí. Đẳng trì, hiện tại và vị lai đều có một. Đoạn này tùy theo sự thích hợp, giải thích như trước.

Nếu từ quả Nhất lai dùng đạo thế tục chứng quả Bất hoàn, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại không có, vị lai có sáu. Đạo chi, hiện tại không

có, vị lai có tám. Không có Tĩnh lự, không có Vô lượng, không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Trí, hiện tại có một, vị lai có bảy. Đẳng trì, hiện tại không có, vị lai có ba. Giải thích đoạn văn này như trước nên biết.

Nếu từ quả Nhất lai dùng đạo vô lậu chứng quả Bất hoàn, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại và vị lai đều có sáu. Đạo chi, hiện tại và vị lai đều có tám. Không có Tĩnh lự, không có Vô lượng, không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Trí, hiện tại có hai, vị lai có bảy. Đẳng trì, hiện tại có một, vị lai có ba. Đoạn này giải thích như trước.

Hỏi: Dùng đạo vô gián chứng Thần cảnh trí thông, lúc tu đạo ấy thì bốn Niệm trú cho đến ba Đẳng trì, mấy là tu hiện tại, mấy là tu vị lai? Đáp: Nếu các dị sinh dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Không có Giác chi, không có Đạo chi. Tĩnh lự, hiện tại và vị lai đều có một. Vô lượng, hiện tại không có, vị lai có bốn. Không có Vô sắc. Giải thoát, hiện tại không có, vị lai có hai. Thắng xứ, hiện tại không có, vị lai có bốn. Không có Biến xứ. Trí, hiện tại và vị lai đều có một. Không có Đẳng trì.

Trong này, Niệm trú hiện tại có một, đó là Thân niệm trú, bởi vì Thần cảnh trí thông chỉ duyên với sắc, đạo vô gián ấy cũng chỉ duyên với sắc.

Hỏi: Như Định Kim cang dụ duyên với bốn Uẩn của Hữu Đảnh, hoặc là Diệt-Đạo của ba cõi; Lậu tận thông duyên với bốn Uẩn của Hữu Đảnh, như vậy thì sở duyên có lúc khác nhau, vì sao trong này nói Thần cảnh trí thông và đạo vô gián nhất định cùng duyên với sắc?

Đáp: Định Kim cang dụ và Tận trí-Vô sinh trí lúc đầu, đều là đạo quán xét về Đế mà đoạn phiền não, chỉ cầu lìa nhiễm chứ không phải là đối với sở duyên, bởi vì có sự chuyển đổi tạo tác cho nên sở duyên có lúc khác nhau. Thần cảnh trí thông... đều là tùy theo sự việc mà tác ý, bởi vì đều muốn biết rõ ràng đối với cảnh biến hiện, cho nên sở duyên nhất định phải như nhau.

Vô lượng, hiện tại không có, vị lai có bốn, nghĩa là công đức hữu lậu trong địa Căn bản, bởi vì cùng địa cho nên tùy theo thích hợp đều tu.

Giải thoát, hiện tại không có, vị lai có hai, nghĩa là hai Giải thoát đầu, lúc ấy còn hệ thuộc hai Tĩnh lự đầu.

Thắng xứ, hiện tại không có, vị lai có bốn, nghĩa là bốn Thắng xứ đầu cũng hệ thuộc nơi ấy.

Trí, hiện tại và vị lai đều có một, đó là thế tục trí.

Hỏi: Vì sao không có tha tâm trí?

Đáp: Bởi vì trong đạo vô gián không tu trí ấy. Phần còn lại tùy theo thích hợp đã nói như trước.

Nếu các Thánh giả dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại không có, vị lai có bảy. Đạo chi, hiện tại không có, vị lai có tám. Tĩnh lự, hiện tại và vị lai đều có một. Vô lượng, hiện tại không có, vị lai có bốn. Không có Vô sắc. Giải thoát, hiện tại không có, vị lai có hai. Thắng xứ, hiện tại không có, vị lai có bốn. Không có Biến xứ. Trí, hiện tại có một, vị lai có bảy. Đẳng trì, hiện tại không có, vị lai có ba.

Tĩnh lự, hiện tại và vị lai đều có một.

Hỏi: Thánh giả đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba đạt được Tĩnh lự thứ tư, dựa vào Tĩnh lự thứ nhất tu Thần cảnh thông, trong đạo vô gián nên nói là Tĩnh lự tu vị lai có bốn, bởi vì đạo vô lậu dựa vào địa trên-dưới mà tu, vì sao chỉ nói là vị lai có một?

Đáp: Có người nói: Cần phải nói tu vị lai có bốn mà không nói thì nên biết là có khác.

Có người nói: Trong này dựa vào từ từ mà nói, nghĩa là từ vốn có phiền não tiến vào Chánh tánh ly sinh, cho đến đạt được quả Bất hoàn rồi, dựa vào Tĩnh lự thứ nhất tu Thần cảnh thông, trong đạo vô gián tu vị lai có một, không tu pháp của địa trên bởi vì chưa đạt được.

Có người nói: Giả sử lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, dựa vào Tĩnh lự thứ nhất tu Thần cảnh thông, thì cũng chỉ tu một bởi vì không tu pháp của địa trên.

Hỏi: Chẳng lẽ không dựa vào Tĩnh lự thứ nhất để đoạn nhiễm của địa trên, và người Vô học lúc tu pháp Luyện căn cũng tu tất cả công đức của địa trên hay sao? Thà rằng nói là dựa vào địa dưới không có thể tu pháp của địa trên.

Đáp: Đoạn phiền não của địa trên thì có thể tu pháp của địa trên, bởi vì đạo của địa ấy có sự đối trị như nhau, cho nên pháp đoạn phiền não ấy có năng lực đối trị thì cần phải tu, Vô học Luyện căn giống như đạt được quả ấy, vì vậy lúc này đều dựa vào địa dưới mà tu địa trên; các

thần thông thì không như vậy, cho nên không tu pháp của địa trên. Như trong Kiến đạo chỉ tu pháp của địa dưới địa mình.

Ví dụ này phi lý, bởi vì Kiến đạo là lần đầu đạt được chủng tánh mà chưa tự tại, chỉ tu trong phạm vi của mình; Tu đạo là đã đạt được chủng tánh, tự tại đối với chủng tánh ấy lẽ nào không tu đầy đủ hay sao? Nhưng năm thần thông là công đức thù thắng, lúc tu gia hạnh cần phải tác ý cao nhất. Nếu các Tĩnh lự đã đạt được tự tại thì lý nào làm ngăn ngại mà không tu đầy đủ? Vì vậy nên biết cách nói trước là hợp lý.

Không có Vô sắc..., dựa theo đây nên biết. Phần còn lại như trước nói.

Nếu các dị sinh dựa vào Tĩnh lự thứ hai, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Không có Giác chi, không có Đạo chi. Tĩnh lự, hiện tại và vị lai đều có một. Vô lượng, hiện tại không có, vị lai có bốn. Không có Vô sắc. Giải thoát, hiện tại không có, vị lai có hai. Thắng xứ, hiện tại không có, vị lai có bốn. Không có Biến xứ. Trí, hiện tại và vị lai đều có một. Không có Đẳng trì.

Tĩnh lự, hiện tại và vị lai đều có một, nghĩa là lúc ấy đã đạt được pháp của địa dưới mà không tu công đức hữu lậu, chỉ tu pháp của địa mình bởi vì thuộc về cõi-địa. Phần còn lại như trước nói.

Nếu các Thánh giả dựa vào Tĩnh lự thứ hai, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại không có, vị lai có bảy. Đạo chi, hiện tại không có, vị lai có tám. Tĩnh lự, hiện tại có một, vị lai có hai. Vô lượng, hiện tại không có, vị lai có bốn. Không có Vô sắc. Giải thoát, hiện tại không có, vị lai có hai. Thắng xứ, hiện tại không có, vị lai có bốn. Không có Biến xứ. Trí, hiện tại có một, vị lai có bảy. Đẳng trì, hiện tại không có, vị lai có ba.

Tĩnh lự, vị lai có hai, nghĩa là hai Tĩnh lự đầu, ban đầu chỉ là vô lậu. Phần còn lại như trước nói.

Nếu các dị sinh dựa vào Tĩnh lự thứ ba, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Không có Giác chi, không có Đạo chi. Tĩnh lự, hiện tại và vị lai đều có một. Vô lượng, hiện tại không có, vị lai có ba. Không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Trí, hiện tại và vị lai đều có một. Không có Đẳng trì.

Vô lượng, vị lai có ba, đó là trừ ra Hỷ vô lượng.

Không có Giải thoát..., bởi vì Tĩnh lự thứ ba do Lạc mà mê đắm, cho nên không có những giải thoát, chán ngán thực hành công đức giải thoát thanh tịnh..., tuy dấy lên hành tướng vui mừng, nhưng bởi vì địa có tai họa bất ngờ cho nên cũng không đạt được. Phần còn lại như trước nói.

Nếu các Thánh giả dựa vào Tĩnh lự thứ ba, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại không có, vị lai có bảy. Đạo chi, hiện tại không có, vị lai có tám. Tĩnh lự, hiện tại có một, vị lai có ba. Vô lượng, hiện tại không có, vị lai có ba. Không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Trí, hiện tại có một, vị lai có bảy. Đẳng trì, hiện tại không có, vị lai có ba. Giải thích rộng ra như trước.

Nếu các dị sinh dựa vào Tĩnh lự thứ tư, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Không có Giác chi, không có Đạo chi. Tĩnh lự, hiện tại và vị lai đều có một.Vô lượng, hiện tại không có, vị lai có ba. Không có Vô sắc. Giải thoát, hiện tại không có, vị lai có một. Thắng xứ, hiện tại không có, vị lai có bốn. Biến xứ, hiện tại không có, vị lai có tám. Trí, hiện tại và vị lai đều có một. Không có Đẳng trì.

Giải thoát, vị lai có một, đó là trú đầy đủ vào Thân tác chứng-giải thoát thanh tịnh.

Thắng xứ, vị lai có bốn, đó là bốn Thắng xứ sau.

Biến xứ, vị lai có tám, đó là tám Biến xứ trước. Bởi vì trong địa này lìa xa tám tai họa bất ngờ, cho nên có những công đức thanh tịnh như vậy. Phần còn lại như trước nói.

Nếu các Thánh giả dựa vào Tĩnh lự thứ tư, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại không có, vị lai có bảy. Đạo chi, hiện tại không có, vị lai có tám. Tĩnh lự, hiện tại có một, vị lai có bốn. Vô lượng, hiện tại không có, vị lai có ba. Không có Vô sắc. Giải thoát, hiện tại không có, vị lai có một. Thắng xứ, hiện tại không có, vị lai có bốn. Biến xứ, hiện tại không có, vị lai có tám. Trí, hiện tại có một, vị lai có bảy. Đẳng trì, hiện tại không có, vị lai có ba. Giải thích rộng ra như trước.

Hỏi: Dùng đạo vô gián chứng Thiên nhĩ trí thông, Tha tâm trí thông, Túc trú tùy niệm trí thông, Sinh tử trí thông, lúc tu đạo ấy thì bốn

Niệm trú cho đến ba Đẳng trì, mấy là tu hiện tại, mấy là tu vị lai?

Đáp: Như Thần cảnh trí thông, cần phải tùy theo tướng mà nói, bởi vì năm loại này đều dựa vào bốn Tĩnh lự, dị sinh và Thánh giả đều có thể khởi lên. Nhưng lúc tu Thiên nhĩ trí thông-Sinh tử trí thông, thì đạo vô gián có Niệm trú hiện tại như Thần cảnh trí thông đã nói, bởi vì cùng duyên với sắc làm Thân niệm trú; lúc tu Tha tâm trí thông, thì đạo vô gián hiện tại chỉ khởi lên Tâm niệm trú; lúc tu Túc trú tùy niệm trí thông, thì đạo vô gián hiện tại chỉ khởi lên Pháp niệm trú. Phần còn lại tùy theo thích hợp đều nói như trước.

Hỏi: Dùng đạo vô gián chứng Lậu tận trí thông, lúc tu đạo ấy thì bốn Niệm trú cho đến ba Đẳng trì, mấy là tu hiện tại, mấy là tu vị lai? Đáp: Nếu dựa vào Định Vị chí chứng quả A-la-hán, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại có sáu, vị lai có bảy. Đạo chi, hiện tại và vị lai đều có tám. Tĩnh lự, hiện tại không có, vị lai có bốn. Không có Vô lượng. Vô sắc, hiện tại không có, vị lai có ba. Giải thoát, hiện tại không có, vị lai có ba. Không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Trí, hiện tại có hai, vị lai có sáu. Đẳng trì, hiện tại có một, vị lai có ba.

Niệm trú, hiện tại có một, đó là Pháp niệm trú, hoặc là xen tạp-không xen tạp, bởi vì bốn Loại trí và hai Pháp trí, tùy theo một loại hiện rõ trước mắt.

Tĩnh lự, vị lai có bốn, bởi vì đoạn phiền não của Hữu Đảnh, cùng tu về đạo có năng lực đối trị của địa trên-dưới.

Không có Vô lượng..., bởi vì lúc bấy giờ không tu pháp hữu lậu, bởi vì pháp hữu lậu không có năng lực đối trị với Hữu Đảnh.

Vô sắc và Giải thoát, vị lai có ba, đó là ba Vô sắc trước và chính ba Giải thoát ấy đều gồm chung vô lậu.

Trí, hiện tại có hai, đó là Diệt trí và Pháp trí, hoặc là Đạo trí và Pháp trí, hoặc là Khổ trí và Loại trí, cho đến hoặc là Đạo trí và Loại trí. Vị lai có sáu, đó là trừ ra thế tục trí và Tha tâm trí, bởi vì trí ấy là hữu lậu, cho nên cùng với đạo vô gián trái ngược nhau.

Đẳng trì, hiện tại có một, đó là Không-Vô tướng-Vô nguyện, tùy theo một loại hiện rõ trước mắt, bởi vì Định Kim cang dụ tương ưng với sáu Trí. Trong này chỉ nói về đạo vô gián thứ chín đoạn phiền não của Hữu Đảnh, bởi vì đạo ấy có thể chứng được Lậu tận trí thông. Phần còn lại như trước nói.

Nếu dựa vào Tĩnh lự thứ nhất chứng quả A-la-hán, thì lúc tu đạo

ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại và vị lai đều có bảy. Đạo chi, hiện tại và vị lai đều có tám. Tĩnh lự, hiện tại có một, vị lai có bốn. Không có Vô lượng. Vô sắc, hiện tại không có, vị lai có ba. Giải thoát, hiện tại không có, vị lai có ba. Không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Trí, hiện tại có hai, vị lai có sáu. Đẳng trì, hiện tại có một, vị lai có ba.

Nếu dựa vào Tĩnh lự trung gian chứng quả A-la-hán, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại có sáu, vị lai có bảy. Đạo chi, hiện tại có bảy, vị lai có tám. Tĩnh lự, hiện tại không có, vị lai có bốn. Không có Vô lượng. Vô sắc, hiện tại không có, vị lai có ba. Giải thoát, hiện tại không có, vị lai có ba. Không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Trí, hiện tại có hai, vị lai có sáu. Đẳng trì, hiện tại có một, vị lai có ba.

Nếu dựa vào Tĩnh lự thứ hai chứng quả A-la-hán, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại và vị lai đều có bảy. Đạo chi, hiện tại có bảy, vị lai có tám. Tĩnh lự, hiện tại có một, vị lai có bốn. Không có Vô lượng. Vô sắc, hiện tại không có, vị lai có ba. Giải thoát, hiện tại không có, vị lai có ba. Không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Trí, hiện tại có hai, vị lai có sáu. Đẳng trì, hiện tại có một, vị lai có ba.

Nếu dựa vào Tĩnh lự thứ ba-thứ tư chứng quả A-la-hán, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại có sáu, vị lai có bảy. Đạo chi, hiện tại có bảy, vị lai có tám. Tĩnh lự, hiện tại có một, vị lai có bốn. Không có Vô lượng. Vô sắc, hiện tại không có, vị lai có ba. Giải thoát, hiện tại không có, vị lai có ba. Không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Trí, hiện tại có hai, vị lai có sáu. Đẳng trì, hiện tại có một, vị lai có ba. Đoạn này tùy theo thích hợp như trước giải thích.

Nếu dựa vào Định Vô sắc chứng quả A-la-hán, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại có sáu, vị lai có bảy. Đạo chi, hiện tại có bốn, vị lai có tám. Tĩnh lự, hiện tại không có, vị lai có bốn. Không có Vô lượng. Vô sắc, hiện tại có một, vị lai có ba. Giải thoát, hiện tại có một, vị lai có ba.

Không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Trí, hiện tại có hai, vị lai có sáu. Đẳng trì, hiện tại có một, vị lai có ba.

Dựa vào Định Vô sắc, đó là dựa vào Không vô biên xứ, hoặc là dựa vào Thức vô biên xứ, hoặc là dựa vào Vô sở hữu xứ, bởi vì ba địa này đều có đạo vô lậu, có thể lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Định lực của Phi tưởng phi phi tưởng xứ mơ hồ yếu kém, không phải là nơi nương tựa của đạo vô lậu, cho nên trong này không nói đến.

Đạo chi, hiện tại có bốn. Đây là ngăn chặn ý chấp về cõi Vô sắc có Giới vô lậu, và địa trên có Chánh tư duy. Bởi vì bốn Đại chủng không có nơi nương tựa, và bởi vì tâm của địa trên dần dần vi tế.

Hỏi: Như không có Đại chủng vô lậu mà có Giới vô lậu, như vậy tuy không có Đại chủng của địa ấy mà có Giới của địa ấy, điều này có gì sai?

Đáp: Giới vô lậu không rơi vào cõi- địa, tùy theo Đại chủng sở tạo của thân sở y, vì vậy tuy không có Đại chủng vô lậu mà có Giới vô lậu sở tạo. Giới hữu lậu nhất định rơi vào cõi-địa, chỉ là Đại chủng sở tạo của địa mình. Bởi vì cõi ấy không có Đại chủng, cho nên Giới cũng không có.

Hỏi: Nếu không có Giới vô lậu tùy theo Đại chủng sở tạo của thân sở y, thì sinh ở cõi Dục-Sắc lúc tiến vào Định Vô sắc thuộc vô lậu cần phải khởi lên Định ấy cùng với Giới vô lậu, bởi vì có Đại chủng của thân sở y?

Đáp: Tuy Giới vô lậu tùy theo Đại chủng sở tạo của thân sở y, nhưng hễ địa nào cần có Đại chủng tạo, thì Giới hữu lậu mới tùy theo chủng loại ấy mà dấy khởi Giới vô lậu. Trong Vô sắc không có Đại chủng tạo của Giới hữu lậu cho nên Giới vô lậu ở cõi ấy cũng không có, bởi vì dựa vào Giới vốn có ấy mà phát khởi vô lậu.

Hỏi: Vì sao Thể của Giới chỉ là sắc?

Đáp: Bởi vì ngăn chặn sắc ác dấy khởi. Vả lại, vốn là tánh của nghiệp thân-ngữ, bởi vì hai nghiệp thân-ngữ lấy sắc làm Thể.

Hỏi: Vì sao ý nghiệp không phải là Giới?

Đáp: Bởi vì không có thể tự mình ngăn chặn Giới ác.

Hỏi: Vì sao Giới ác không phải là ý nghiệp?

Đáp: Người chưa lìa dục đều thành tựu ý nghiệp bất thiện, lẽ nào những người ấy đều gọi là phạm giới, hoặc là không có luật nghi hay sao? Vì vậy cho nên Giới ác không phải là ý nghiệp. Vả lại, ý nghiệp thiện nếu là Giới thiện, thì lẽ ra tất cả những người không đoạn mất căn thiện đều gọi là trú trong luật nghi, bởi vì những người ấy đều thành tựu

ý nghiệp thiện. Nếu chấp nhận như vậy, thì một hữu tình gọi là trú trong luật nghi, cũng gọi là trú trong không có luật nghi. Vậy là sẽ không có ba loại sai biệt, như vậy thì trái ngược với Thánh giáo, cho nên Giới thiện-Giới ác đều không phải là ý nghiệp. Vả lại, thế gian cùng chấp nhận phòng ngừa giữ gìn thân-ngữ thì nói là Giới, cho nên ý nghiệp không phải là Giới. Cần phải biết rằng ý nghiệp là nhân phát sinh Giới, không thể nào nhân của Giới mà gọi là Giới. Đừng làm cho nhân quả có lỗi tạp loạn. Vì vậy, trong Vô sắc thì Đạo chi chỉ có bốn, vị lai gồm tu vô lậu của địa dưới cho nên có đầy đủ tám.

Vô sắc và Giải thoát, hiện tại có một, đó là ba địa đã dựa vào trước đây tùy theo một địa. Phần còn lại như trước đã giải thích.

■